

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính; Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bé N, sinh ngày 21/8/1990.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2024 nguyên đơn trình bày:

Chị Phạm Thị Bé N và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/4/2016. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Không có; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không có văn bản cung cấp lời khai.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, nguyên đơn có nghĩa vụ nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, vắng không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bé N và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu ly hôn, anh Đ không có văn bản trình bày ý kiến. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua lời trình bày của nguyên đơn, kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống chị N và anh Đ thực tế có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra cũng đã lâu và đến nay vẫn không giải quyết được, cuộc sống vợ chồng đã không còn có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nếu tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc, Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị N được ly hôn.

[3] Về con chung không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N là người khởi kiện nên phải chịu án phí 300.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Bé N được ly hôn với anh anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Không có.

- Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn.

Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Bé N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003926 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, chị N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng